



PHỤ LỤC 1
DANH MỤC KHU ĐẤT THỰC HIỆN ĐẦU THẦU LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ NĂM 2025 TỈNH TÂY NINH SAU HỢP NHẤT
(Các khu đất thuộc điểm a khoản 1 Điều 126 Luật Đất đai và khoản 1 Điều 4 Nghị định số 115/2024/NĐ-CP)
(Kèm theo Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên dự án (dự kiến)	Mục tiêu đầu tư (dự kiến)	Tổng diện tích (chưa đo đạc thực tế)		Mã loại đất theo pháp luật đất đai tương ứng với mục tiêu đầu tư chính	Diện tích (m2) (khoảng, chưa đo đạc thực tế)			Địa điểm		Kế hoạch tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư	Tiến độ tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư	Ghi chú	
			ha	(m2)		Đất chưa Bồi thường GPMB/ Tổng diện tích (m2)	Đất đã Bồi thường GPMB đã giao cơ quan chức năng quản lý/Tổng diện tích		Xã	Phường				
							Diện tích (m2)	Tên Cơ quan/ đơn vị được giao quản lý						
A. Phường Hòa Thành														
1	Khu nhà ở thương mại, dịch vụ du lịch sinh thái Gò Kén, phường Long Thành Trung, thị xã Hòa Thành. (nay là phường Hòa	Xây dựng khu đô thị mới hiện đại đảm bảo các yêu cầu về cung cấp hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, an sinh xã hội, chất lượng sống tốt.	81,648463	816.484,63	OLK, OBT	816.484,63	0			Hòa Thành	2025	Theo quy định pháp luật đấu thầu		

2	Khu đô thị mới phường Long Thành Trung, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh (nay là phường Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh)	Xây dựng khu đô thị mới hiện đại, đồng bộ có các công trình dịch vụ công cộng cấp đô thị, cấp đơn vị ở và nhà ở xã hội.	73,034766	730.347,66	OLK	730.347,66	0			Hòa Thành	2025	Theo quy định pháp luật đấu thầu	
B. Phường Ninh Thạnh													
3	Khu đô thị phụ cận phục vụ khu du lịch quốc gia núi bà đen (phía Nam đường ĐT790)	Khu đô thị	92,34	923.400	ONT	923.400	0			Ninh Thạnh	2025	Theo quy định pháp luật đấu thầu	
4	Khu đô thị mới Bàu Năng	Khu đô thị	55,75	557.500	ONT	42.660	514.840	UBND phường (đất công do phường quản lý)		Ninh Thạnh	2025	Theo quy định pháp luật đấu thầu	
C. Xã Bến Lức													
5	Khu đô thị, thương mại dịch vụ tại xã An Thạnh	Khu dân cư, đô thị	405,46	4.054.600	OĐT	4.054.600	0		Bến Lức		2025	Theo quy định pháp luật đấu thầu	
6	Khu đô thị 82ha tại xã An Thạnh	Khu dân cư, đô thị	82	820.000	OĐT	820.000	0		Bến Lức		2025	Theo quy định pháp luật đấu thầu	

D. Xã Cần Giuộc													
7	Khu đô thị mới Long Hậu	Khu đô thị	227	2.270.000	OĐT	2.270.000	0		Cần Giuộc (Long Hậu cũ)		2025	Theo quy định pháp luật đấu thầu	
8	Khu đô thị sinh thái Cần Giuộc	Khu đô thị	290	2.900.000	OĐT	2.900.000	0		Cần Giuộc (thị trấn Cần Giuộc cũ)		2025	Theo quy định pháp luật đấu thầu	
9	Khu dân cư, thương mại dịch vụ Tân Tập - Long Hậu - I	Dân cư, đô thị	220	2.200.000	ONT	2.200.000	0		Cần Giuộc (Phước Lại cũ)		2025	Theo quy định pháp luật đấu thầu	
10	Khu dân cư	Khu dân cư	13	130.000	ONT	130.000	0		Cần Giuộc (thị trấn Cần Giuộc cũ)		2025	Theo quy định pháp luật đấu thầu	
11	Khu dân cư	Khu dân cư	7	70.000	ONT	70.000	0		Cần Giuộc (thị trấn Cần Giuộc cũ)		2025	Theo quy định pháp luật đấu thầu	
12	Khu dân cư	Khu dân cư	7,4	74.000	ONT	74.000	0		Cần Giuộc (thị trấn Cần Giuộc cũ)		2025	Theo quy định pháp luật đấu thầu	
13	Khu đô thị Phước Lại	Khu đô thị	820	8.200.000	OĐT	8.200.000	0		Cần Giuộc (Phước Lại cũ)		2025	Theo quy định pháp luật đấu thầu	
14	Khu dân cư	Khu dân cư	10	100.000	ONT	100.000	0		Cần Giuộc (Long Hậu cũ)		2025	Theo quy định pháp luật đấu thầu	

15	Khu dân cư và khu vực liền kề KCN Tân Kim mở rộng	Khu dân cư	37,7	377.000	ONT	377.000	0		Cần Giuộc (thị trấn Cần Giuộc cũ)		2025	Theo quy định pháp luật đấu thầu	
E. Xã Đông Thành													
16	KDC ấp Mỹ Phát	Khu dân cư	8,9148	89.148	ONT	89.148	0		Đông Thành		2025	Theo quy định pháp luật đấu thầu	
F. Xã Hậu Nghĩa													
17	Khu đô thị Thị trấn Hậu Nghĩa (63ha)	Khu đô thị	63	630.000	OĐT	630.000	0		Hậu Nghĩa		2025	Theo quy định pháp luật đấu thầu	
18	Khu dân cư thị trấn Hậu Nghĩa	Khu dân cư	10,4	104.000	ONT	104.000	0		Hậu Nghĩa		2025	Theo quy định pháp luật đấu thầu	
G. Xã Hưng Thuận													
19	Khu đô thị	Khu đô thị	200	2.000.000	OĐT	2.000.000	0		Hưng Thuận		2025	Theo quy định pháp luật đấu thầu	
H. Xã Lương Hòa													
20	Khu dân cư đô thị phía Bắc sông Bến Lức – Chợ Đệm	Khu dân cư, đô thị	259	2.590.000	ONT	2.590.000	0		Lương Hòa		2025	Theo quy định pháp luật đấu thầu	
21	Khu dân cư dịch vụ thương mại Lương Hòa	Khu dân cư, đô thị	143	1.430.000	ONT	1.430.000	0		Lương Hòa		2025	Theo quy định pháp luật đấu thầu	

22	Khu đô thị phía Bắc đường Vành đai 3 Tp.Hồ Chí Minh	Khu dân cư, đô thị	200	2.000.000	ÔĐT	2.000.000	0		Mỹ Yên và Tân Bửu		2025	Theo quy định pháp luật đấu thầu	
23	Khu đô thị sinh thái Lương Hòa	Khu đô thị	205	2.050.000	ÔĐT	2.050.000	0		Lương Hòa		2025	Theo quy định pháp luật đấu thầu	
I. Xã Long Hựu													
24	Khu đô thị mới Long Hựu	Khu đô thị	2609,67	26.096.700	ÔĐT	26.097.700	0		Long Hựu		2025	Theo quy định pháp luật đấu thầu	
J. Xã Mỹ Hạnh													
25	Khu dân cư Mỹ Hạnh Nam	Khu dân cư	50,55	505.500	ONT	505.500	0		Mỹ Hạnh		2025	Theo quy định pháp luật đấu thầu	
26	Khu dân cư nông thôn	Khu dân cư	9	90.000	ONT	90.000	0		Mỹ Hạnh		2025	Theo quy định pháp luật đấu thầu	
K. Xã Mỹ Lộc													
27	Khu dân cư Long Thượng (khắc phục NQ30)	Khu dân cư	42,2	422.000	ONT	422.000	0		Mỹ Lộc (và Long Thượng cũ)		2025	Theo quy định pháp luật đấu thầu	
L. Xã Mỹ An													
28	Khu dân cư sinh thái, khu vui chơi giải trí	Khu dân cư sinh thái, khu vui chơi giải trí	294	2.940.000	ONT	2.940.000	0		Mỹ An		2025	Theo quy định pháp luật đấu thầu	

29	Khu tái định cư phục vụ dự án Khu dân cư sinh thái, khu vui chơi giải trí	Phục vụ tái định cư dự án Khu dân cư sinh thái, khu vui chơi giải trí và tái định cư tại chỗ	15,678	156.780	ONT	156.780	0		Mỹ An		2025	Theo quy định pháp luật đấu thầu	
M. Mỹ Yên													
30	Khu dân cư ấp 2	Khu dân cư	31,7	317.000	ONT	317.000	0		Mỹ Yên		2025	Theo quy định pháp luật đấu thầu	
N. Xã Tân Lâm													
31	Khu dân cư nông thôn Phước Đông (Ấp 1, xã Phước Đông)	Khu dân cư nông thôn	4,8	48.000	ONT	48.000	0		Tân Lâm		2025	Theo quy định pháp luật đấu thầu	
32	Khu dân cư nông thôn tại xã Phước Đông (Ấp 3, xã Phước Đông)	Khu dân cư nông thôn	20,28	202.800	ONT	202.800	0		Tân Lâm		2025	Theo quy định pháp luật đấu thầu	
P. Xã Phước Lý													
33	Khu dân cư	Khu dân cư	11	110.000	ONT	110.000	0		Phước Lý		2025	Theo quy định pháp luật đấu thầu	
Q. Xã Vĩnh Hưng													

34	Mở rộng khu dân cư phía Đông xã Vĩnh Hưng (Giai đoạn 2)	Phát triển khu đô thị, đa dạng loại hình nhà ở	7,986458	79.864,58	ONT	79864,58	0		Vĩnh Hưng		2025	Theo quy định pháp luật đấu thầu	
35	Mở rộng khu dân cư phía Đông xã Vĩnh Hưng (Giai đoạn 3)	Phát triển khu đô thị, đa dạng loại hình nhà ở	9,4718	94.718	ONT	94.718	0		Vĩnh Hưng		2025	Theo quy định pháp luật đấu thầu	
Tổng gồm 35 khu đất			6.609,9978	66.099.978		65.586.138	514.840						



PHỤ LỤC 2

DANH MỤC KHU ĐẤT THỰC HIỆN ĐẦU THẦU LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ NĂM 2025 TỈNH TÂY NINH SAU HỢP NHẤT

(Các khu đất thuộc điểm b khoản 1 Điều 126 Luật Đất đai và khoản 2 Điều 4 Nghị định số 115/2024/NĐ-CP)

(Kèm theo Nghị quyết số 19/NQ-HDND ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Stt	Tên dự án (dự kiến)	Mục tiêu đầu tư (dự kiến)	Tổng diện tích (chưa đo đạc thực tế)		Mã loại đất theo pháp luật đất đai tương ứng với mục tiêu đầu tư chính	Diện tích (m2) (khoảng, chưa đo đạc thực tế)					Địa điểm		Kế hoạch tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư	Tiến độ tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư	Ghi chú	
			ha	(m2)		Đất chưa Bồi thường GPMB/ Tổng diện tích (m2)	Đất đã Bồi thường GPMB nhưng chưa giao cơ quan chức năng quản lý/Tổng diện tích	Đất đã Bồi thường GPMB đã giao cơ quan chức năng quản lý/Tổng diện tích	Xã	Phường						
							Diện tích (m2)	Tên đơn vị thực hiện Bồi thường GPMB			Diện tích (m2)	Tên Cơ quan/ đơn vị được giao quản lý				
A. Xã Đông Thành																
1	Trung tâm Chẩn đoán y khoa kỹ thuật cao Xuyên Á – Đức Huệ	Cơ sở Y tế	1,8125	18.125	DYT		0		18.125	UBND xã Đông Thành	Đông Thành		2025	Theo quy định pháp luật đấu thầu		
2	Nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt	Nhà máy	4,5796	45.796	DRA		0		45.796	UBND xã Đông Thành	Đông Thành		2025	Theo quy định pháp luật đấu thầu		
B. Xã Đức Huệ																
3	Khu năng lượng mặt trời Solar Park 5	ĐMT	625	6.250.000	DNL	6.250.000	0		0		Đức Huệ		2025	Theo quy định pháp luật đấu thầu		
4	Khu năng lượng mặt trời Solar Park 6	ĐMT	50	500.000	DNL	500.000	0		0		Đức Huệ		2025	Theo quy định pháp luật đấu thầu		
5	Khu năng lượng mặt trời Solar Park 7	ĐMT	100	1.000.000	DNL	1.000.000	0		0		Đức Huệ		2025	Theo quy định pháp luật đấu thầu		

6	Khu năng lượng mặt trời Solar Park 8	ĐMT	100	1.000.000	DNL	1.000.000	0		0		Đức Huệ		2025	Theo quy định pháp luật đấu thầu	
7	Khu năng lượng mặt trời Solar Park 9	ĐMT	150	1.500.000	DNL	1.500.000	0		0		Đức Huệ		2025	Theo quy định pháp luật đấu thầu	
8	Khu năng lượng mặt trời Solar Park 10	ĐMT	150	1.500.000	DNL	1.500.000	0		0		Đức Huệ		2025	Theo quy định pháp luật đấu thầu	
9	Khu năng lượng mặt trời Solar Park 11	ĐMT	100	1.000.000	DNL	1.000.000	0		0		Đức Huệ		2025	Theo quy định pháp luật đấu thầu	
10	Khu năng lượng mặt trời Solar Park 12	ĐMT	125	1.250.000	DNL	1.250.000	0		0		Đức Huệ		2025	Theo quy định pháp luật đấu thầu	
11	Cảng Sông Bình Hòa Nam	CS	50	500.000	DNL	500.000	0		0		Đức Huệ		2025	Theo quy định pháp luật đấu thầu	
C. Phường Ninh Thạnh															
12	Tổ hợp giáo dục liên cấp chất lượng cao		10,46	104.600	DGD	51.400	0		53.200	UBND phường (đất công do phường quản lý)		Ninh Thạnh (xã Bàu Năng cũ)	2025	Theo quy định pháp luật đấu thầu	
Tổng gồm 12 khu đất			1.466,85	14.668.521		14.551.400	0		117.121						